

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST
Ngày 04 tháng 4 năm 2018
V/v: Tranh chấp về Hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH KHÁNH HÒA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Ngọc Ảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quang Thành
2. Bà Phan Thị Tuyết Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Giáp Nguyễn Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2018/TLST- DS ngày 07 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N - sinh năm: 1974; trú tại: Thôn Q 1, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh S - sinh năm: 1990

Chị Trần Thị P - sinh năm: 1991;

Cùng trú tại: Tổ dân phố số x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Anh S có mặt, chị P có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 27.02.2018, đơn khởi kiện bổ sung gửi đến Tòa án ngày 06.3.2018, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Nhớ trình bày:

Chị N và vợ chồng anh Nguyễn Thanh S chị Trần Thị P ở tổ dân phố số x, thị trấn V, V, Khánh Hòa, có quan hệ bà con họ hàng, chị N là cô ruột của chị Trần Thị P. Do tin tưởng vợ chồng anh S chị P nên chị N đã cho vợ chồng anh S chị P

mượn không tính lãi để mua ghe và mua tôm hùm chết rồi bán lại cho chị N, cụ thể như sau:

Ngày 20 tháng 02 năm 2013, tại nhà của vợ chồng anh S chị P, chị N có cho vợ chồng anh S chị P mượn 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) để vợ chồng anh S chị P mua ghe để đi mua tôm hùm chết. Năm ngày sau đó tức là ngày 25 tháng 02 năm 2013, chị N cho vợ chồng anh S chị P mượn tiếp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để mua tôm hùm chết. Vợ chồng anh S chị P nợ của chị N số tiền là 120.000.000 đồng + 5.000.000 đồng = 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Việc mượn này, chị N có viết giấy ghi là Chó anh tức là S.

Ngày 02 tháng 12 năm 2014 (nhằm ngày 11.10.2014 Âm lịch), tại nhà của vợ chồng anh S chị P, chị N cho vợ chồng anh S chị P mượn tiếp 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) để vợ chồng anh S chị P mua tiếp ghe nữa để đi mua tôm hùm chết. Đồng thời, chị N cho vợ chồng anh S chị P mượn tiếp 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để mua tôm hùm chết. Vợ chồng anh S chị P nợ của chị N là 150.000.000 đồng + 15.000.000 đồng = 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Việc mượn này, có viết Giấy cam kết có chữ ký của Nguyễn Thanh S.

Các bên thỏa thuận bằng miệng là nếu anh S chị P không mua bán tôm hùm chết với chị N nữa thì trả tiền lại cho chị N.

Việc chị N và vợ chồng anh S chị P làm ăn mua bán tôm hùm chết diễn ra bình thường, vợ chồng anh S chị P mua tôm hùm chết rồi bán lại cho chị N.

Đến tháng 11 năm 2017, vợ chồng anh S chị P không mua tôm hùm chết nữa và đã bán ghe mà không trả lại tiền cho chị N. Chị N đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh S chị P không trả nợ cho chị N.

Hiện nay, vợ chồng anh S chị P còn nợ của chị N tổng cộng là: 125.000.000 đồng + 165.000.000 đồng = 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Thanh S chị Trần Thị P phải trả số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng), làm một lần trong thời gian nhanh nhất. Chị N không yêu cầu Tòa án tính lãi do vợ chồng anh S chị P chậm thực hiện trả nợ.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 3 năm 2018 của anh S, chị P và tại phiên tòa anh S trình bày:

Vợ chồng anh S chị P và chị Trần Thị N ở thôn Q 1, V, V, Khánh Hòa, có quan hệ bà con họ hàng, chị N là cô ruột của chị P, anh S là cháu rể. Vợ chồng anh S chị P có mượn của chị N nhiều lần số tiền 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) không tính lãi để mua ghe và mua tôm hùm chết rồi bán lại cho chị N. Chị N làm đầu nậu mua bán tôm của vợ chồng anh S chị P.

Trong quá trình mua bán tôm hùm chết giữa vợ chồng anh S chị P và chị N diễn ra bình thường. Nhưng do bão số 12 xảy ra, ghe máy bị chìm hư hỏng, sau đó vợ chồng anh S chị P thuê người vớt lên bán 01 chiếc ghe bán cho người khác, còn lại 02 chiếc ghe khác đang hư hỏng chờ sửa lại nên vợ chồng anh S chị P không đi mua tôm hùm nữa, do đó không có tôm hùm chết để bán cho chị N. Vợ chồng anh S chị P còn nợ của chị N số tiền là: 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi

triệu đồng), nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa trả cho chị Nhớ.

Tại phiên tòa, anh S yêu cầu Tòa án giải quyết: Vợ chồng anh S chị P đồng ý trả cho chị Trần Thị N số tiền 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng), nhưng xin trả làm nhiều lần, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, trả liên tục cho đến khi hết nợ. Nếu chị N không đồng ý thì 18 tháng sau vợ chồng anh S xin trả đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị N yêu cầu anh Nguyễn Thanh S chị Trần Thị P trả số tiền 290.000.000 đồng; nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điều a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn anh Nguyễn Thanh S, chị Trần Thị P đã được Tòa án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng bị đơn chị Trần Thị P đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị P.

[2] - Căn cứ vào lời khai của chị Trần Thị Nhớ, lời khai của chị Trần Thị Phương và tại biên bản lấy lời khai đề ngày 13/3/2018 của anh Nguyễn Thanh Sáng, các nợ như Giấy cam kết đề ngày 02/12/2014 có chữ ký của Nguyễn Thanh Sáng, Giấy ghi tên Chó anh, cũng như số tiền hiện tại mà vợ chồng anh Sáng chị Phương còn nợ của chị Nhớ đã được hai bên khai nhận thống nhất, phù hợp với nhau. Nên có đủ căn cứ để kết luận: Vợ chồng anh Nguyễn Thanh Sáng và chị Trần Thị Phương nợ của chị Trần Thị Nhớ số tiền 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) là có thật.

Việc vợ chồng anh S chị P không thanh toán nợ cho chị N đã vi phạm các quy định về hợp đồng dân sự vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 463; Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Gây khó khăn cho bà N trong việc thu hồi vốn, gây thiệt thòi quyền lợi cho chị N. Việc chị N yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị P trả đủ cho chị N số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng) mà vợ chồng anh S chị P còn nợ là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Việc vợ chồng anh S chị P đồng ý trả số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng) cho chị N nhưng yêu cầu được trả làm nhiều lần không được chị N đồng ý và xin 18 tháng sau trả đủ không được chị N đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của vợ chồng anh S chị P.

[3] Về lãi: Chị Trần Thị N không yêu cầu vợ chồng anh S chị P trả tiền lãi do chậm trả nợ nên Tòa không xét.

[4] Về án phí: Vợ chồng anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, với số tiền án phí phải nộp là: 290.000.000 đồng x 5% = 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho chị Trần Thị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 463; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị P phải trả cho chị Trần Thị N số tiền là: 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

+ Anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Chị Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho chị Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 7.250.000 đồng (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0014021 ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

3- Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn anh Nguyễn Thanh S là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị P là 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện V ;
- Chi cục THA huyện V;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Ảnh